|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT NAM TRÀ MY  **TRƯỜNG PTDTBT-THCS TRÀ CANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-… | *Trà Cang, ngày 24 tháng 5 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở, năm học 2020-2021**

Thực hiện Công văn số 355 ngày 17/9/2020 của Phòng GDĐT Nam Trà My về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2020-2021;

Thực hiện Kế hoạch số 33 ngày 21/9/2021 của trường PTDTBT TH&THCS Trà Vinh về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2020-2021;

Căn cứ kết quả thực hiện, Trường PTDTBT-THCS Trà Cang báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở, năm học 2020-2021. Nội dung như sau:

**Phần I**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2020-2021**

**I. Việc phát triển mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia; phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên, trường chất lượng cao**

**1. Phát triển quy mô trường, lớp, học sinh, giáo viên.**

1.1. Kết quả đạt được trong năm học 2020-2021 và so với năm học 2019-2020

a) Năm học 2020-2021, tính đến 31/5/2021, toàn trường có:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp học** | **Lớp** | **HS** | **Đội ngũ** | | | **Tỉ lệ GV đạt**  **chuẩn** | **Tỉ lệ trên**  **chuẩn** |
| **CBQL** | **GV** | **NV** |
| **THCS** | **9** | **326** | **2** | **21** | **1** | **90.48** | **0** |
| *(\*)* | 0 | +17 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*(\*) so với năm học 2019-2020 (tăng, giảm)*

b) Nhận xét các biến động về số liệu so với năm học 2019-2020, nêu rõ nguyên nhân:

Trong năm học 2020-2021, số lượng tuyển mới học sinh lớp 6 tăng nên dẫn đến số lượng học sinh toàn trường tăng so với năm học 2019-2020. Số lớp không tăng nên số lượng đội ngũ giáo viên không thay đổi.

**1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

Số lượng học sinh/ lớp của khối 7, 8 khá đông. Giáo viên hợp đồng ngắn hạn nhiều.

Nguyên nhân:

Do số học sinh tăng lên nhưng số lớp không thay đổi, việc dồn 3 lớp 6 năm 2019-2020 vào học lớp 7 năm 2020-2021 dẫn đến việc học sinh khối 7 khá đông.

Do giáo viên và nhân viên đã luân chuyển đầu năm học nhưng vẫn chưa được cấp trên bổ sung đủ quy định nên nhà trường hợp đồng giáo viên ngắn hạn.

**2. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

2.1. Kết quả đạt được năm học 2020-2021:

Trường PTDTBT THCS Trà Cang đã được công nhận kiểm định chất lượng Cấp độ 2 theo Quyết định số 815/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2020 và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 816/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2020.

- Ngoài ra nhà trường đã và đang tham mưu các cấp có thẩm quyền để xây dựng thêm cơ sở vật chất nhà trường và đầu tư mạnh về các hạng mục quy định để xây dựng trường đạt chuẩn mức 2 Quốc gia tới năm 2024.

Việc cải tạo cảnh quan sư phạm trường luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm theo hướng “xanh-sạch-đẹp và an toàn”.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

+ Hạn chế:

- Tình hình đội ngũ chưa ổn định. Không có nhân viên văn thư, giáo viên kiêm nhiệm văn thư chưa có nhiệm.

+ Nguyên nhân của hạn chế:

- Nhân viên văn thư thuyên chuyển đơn vị công tác, nên nhà trường giao công tác văn thư lưu trữ cho giáo viên kiêm nhiệm.

**3. Công tác phổ cập giáo dục:**

3.1. Kết quả đạt được năm 2020 và so với năm 2019

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số trẻ tốt nghiệp TH vào lớp 6** | | **Số HS L9 tốt nghiệp THCS** | | **Số TTN 15-18 tuổi**  **tốt nghiệp THCS** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 2020 | 104 | *100%* | 50 | *98.04%* | 49 | *98%* |
| (\*) | +3 | *100%* | -1 | *100%* | -1 | *100%* |

*(\*) so với năm 2019 (tăng, giảm)*

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Tồn tại, hạn chế:

Gặp nhiều khó khăn trong việc huy động các đối tượng diện phổ cập giáo dục THCS ra lớp.

- Nguyên nhân:

Học sinh nghỉ học giữa chừng ngại ra lớp trở lại, phụ huynh chưa quan tâm đến việc học của con em.

**4. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày**

4.1. Kết quả đạt được năm học 2020-2021, so với năm học 2019-2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tổng số học sinh học 2 buổi/ngày.** | | **Cấp THCS** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| 2020-2021 | 0 | *0* | 0 | 0 |
| (\*) | 0 | *0* | 0 | 0 |

*(\*) so với năm học 2019-2020 (tăng, giảm)*

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Chưa tiến hành dạy học 2 buổi/ ngày do chưa đáp ứng được điều kiện dạy học, chế độ chi trả cho giáo viên. Trường sẽ tổ chức giảng dạy khi đủ điều kiện.

**5. Củng cố phát triển trường phổ thông dân tộc bán trú**

5.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2020-2021 và so với năm học 2019-2020:

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2020-2021 nhà trường tuyển sinh nhà trường 100% học sinh HTCTTH vào lớp 6 đạt tỉ lệ 100%.

- Việc thực hiện chế độ chính sách: Học sinh hiện tại được thụ hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và nhà nước: Nghị định 116 năm 2016 của Chính phủ, Nghị định 86 của Chính phủ, ngoài ra một số em không thuộc bán trú được hưởng theo Quyết định chế độ 3978 của UBND tỉnh quảng Nam, Nghị định 42 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách đối với người khuyết tật.

- Việc tổ chức ăn ở, sinh hoạt học tập: Nhà trường thành lập ban quản lí học sinh bán trú học sinh, phân công giáo viên quản lý các phòng ở, giám sát việc ăn ở, vệ sinh của học sinh. Thường xuyên tổ chức các buổi giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện của bộ phận học sinh nội trú như phong trào “ Tiếng trống học đêm”, phong trào “ Đôi bạn cùng tiến”…

- Kết quả các hoạt động giáo dục: Nhà trường đã tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng daỵ và học như: tăng cường các tiết dạy ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường việc sử dụng đồ dùng dạy học vào các tiết dạy, dự giờ thăm lớp, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, thao giảng thường xuyên. Chú trọng mạnh việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Tồn tại, hạn chế:

Chất lượng học tập của một số học sinh vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, một số học sinh dân tộc thiểu số còn vắng một số buổi học, nhất là việc học trái buổi. Chế độ chính sách cho các em đồng bào còn chậm trễ. Đặc biệt là học sinh bán trú theo nghị định 86 (tiền mua dụng cụ học tập cho học sinh như sách , vở, bút...).

- Nguyên nhân:

Một số học sinh chưa xác định được động cơ của việc học cộng với sự thiếu quan tâm của phụ huynh là những yếu tố hàng đầu dẫn đến việc học sinh thường xuyên vắng học.

Do bất đồng ngôn ngữ nên việc truyền tải của giáo viên và việc tiếp thu của học sinh còn nhiều hạn chế.

Một số giáo viên chưa tâm huyết với nghề, chưa có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy dẫn đến chất lương bộ môn chưa cao nhất.

**II. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục trung học cơ sở**

**1. Kết quả đánh giá hạnh kiểm học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tổng số học sinh** | **HẠNH KIỂM** | | | | | | | | |
| **Tốt** | | **Khá** | | **TB** | | | **Yếu** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | | **TL** |
| *6* | 99 | 89 | *89.9%* | 10 | *10.1%* | 0 | *0%* | 0 | | *0%* |
| *7* | 88 | 88 | *100%* | 0 | *0%* | 0 | *0%* | 0 | | *0%* |
| *8* | 81 | 78 | *96.3%* | 3 | *3.7%* | 0 | *0%* | 0 | | *0%* |
| *9* | 58 | 57 | *98.3%* | 1 | *1.7%* | 0 | *0%* | 0 | | *0%* |
| **TC** | **326** | **312** | ***95.7%*** | **14** | ***4.3%*** | **0** | ***0%*** | **0** | | ***0%*** |
| (\*) | +17 | +18 | *+0,6* | -1 | *-0.6* | 0 | *0%* | 0 | | *0%* |

*(\*) so với năm học 2019-2020*

**2. Kết quả đánh giá học lực học sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tổng số học sinh** | **HỌC LỰC** | | | | | | | | | |
| **Giỏi** | | **Khá** | | **TB** | | **Yếu** | | **Kém** | |
| **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** | **SL** | **TL** |
| *6* | 99 | 6 | 6.1 | 27 | 27.3 | 60 | 60.6 | 6 | 6.1 | 0 | 0.0 |
| *7* | 88 | 7 | 8.0 | 31 | 35.2 | 50 | 56.8 | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 |
| *8* | 81 | 6 | 7.4 | 31 | 38.3 | 41 | 50.6 | 3 | 3.7 | 0 | 0.0 |
| *9* | 58 | 0 | 0.0 | 16 | 27.6 | 41 | 70.7 | 1 | 1.7 | 0 | 0.0 |
| **TC** | **326** | 19 | 5.8 | 105 | 32.2 | 192 | 58.9 | 10 | 3.1 | 0 | 0.0 |
| (\*) | +17 | -6 | ***-2.3*** | +4 | ***-0.5*** | +18 | ***+2.6*** | +1 | ***+0.2*** | 0 | ***0*** |

*(\*) So sánh với năm học 2019-2020*

**3. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

3.1. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh từ năm học 2017-2018.

Ngay từ đầu năm, nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Hầu hết giáo viên thiết kế tiến trình dạy học theo 5 chuỗi các hoạt động học, đảm bảo cấu trúc các hoạt động học; phát huy tích tự giác, tích cực của học sinh ở các bộ môn.

3.2. Tình hình và kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; các mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của địa phương.

a) Về đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Nhà trường thường xuyên tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

- Bên cạnh đó trong công tác chỉ đạo chuyên môn, nhà trường luôn chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Các tổ chuyên môn cũng đẩy mạnh tổ chức hoạt động thao giảng, chuyên đề, nghiên cứu bài học và các hoạt động kiểm tra về chuyên môn đối với giáo viên. Qua các hoạt động giáo viên được trao dồi về chuyên môn, góp ý, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

- Giáo viên thực hiện đảm bảo việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực của học sinh. Các phương pháp dạy học tích cực được thực hiện có hiệu quả như pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi,...Giáo viên là người tổ chức và hướng dẫn học sinh tiến hành các hoạt động học tập phát hiện kiến thức mới, vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc tình huống thực tiễn, tăng cường hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các môn học. Giáo viên luôn dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành.

- Việc thực hiện giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kĩ thuật - toán (Science - Technology - Engineering – Mathematic: STEM) cũng đã thực hiện trong nhà trường. Trong năm học vừa qua nhà trường đã cử giáo viên tham gia tập huấn giáo dục Stem trong trường Trung học do Phòng giáo dục tổ chức, đã triển khai ở đơn vị và thực hiện một tiết thực nghiệm bài “thiết kế cân lò xo” cho học sinh lớp 6, “Hệ thống báo động khi mở cửa” lớp 7. Trong năm học 2020-2021, nhà trường có 02 em học sinh đã đạt giải ba trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học do Sở giáo dục Quảng Nam tổ chức.

b) Về đổi mới kiểm tra, đánh giá

+ Việc kiểm tra, đánh giá học sinh thực hiện theo Thông tư 26/2020/TT-BGD ngày 26 tháng 8 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Việc thực hiện đánh giá thường xuyên kết quả dạy học, giáo dục của học sinh qua các hình thức: quan sát các hoạt động trên lớp; qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; qua kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật; qua kết quả thực hành, thí nghiệm; qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

+ 100% các đồng chí giáo viên tích cực đổi mới hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh; qua kiểm tra đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em.

+Thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh theo theo định hướng phát triển năng lực. Giáo viên xây dựng đề kiểm tra với 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao theo ma trận hoặc bản đặc tả của Sở GDĐT; tổ chuyên môn, lãnh đạo nhà trường duyệt đề, đáp án trước khi kiểm tra; chấm chữa bài, trả bài nghiêm túc, đúng quy chế.

+ Chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, đúng việc kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh, tuyệt đối không chạy theo bệnh thành tích.

c) Các mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của địa phương.

Tổ chức triển khai giảng dạy giới thiệu cho học sinh một số cây dược liệu

phổ biến tại huyện Nam Trà My, trồng và chăm sóc vườn cây dược liệu.

3.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh còn gặp nhiều khó khăn

- Nguyên nhân:

+ Một số học sinh chưa có ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ học tập của bản thân, không chịu tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu, rụt rè trong các hoạt động, kiến thức xã hội của các em còn hạn chế.

+ Giáo viên hợp đồng ngắn hạn nhiều, chưa nắm bắt được tâm lý học sinh vùng cao, kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế.

**4. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1223/KH-BGDDT ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025” và Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025”.**

4.1. Giải pháp triển khai giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và THPT.

a) Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT.

Ngay từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh sau THCS và THPT. Hoạt động hướng nghiệp đưa vào giảng dạy ở học kì II ở khối 9 với số tiết đảm bảo theo quy định trong năm học. Nhà trường đang triển khai về công tác tuyên truyền về công tác phân luồng hướng nghiệp học sinh lớp 9 sau khi tốt nghiệp THCS, định hướng cho các em chọn trường, chọn nghề.

b) Các biện pháp hướng nghiệp, phân luồng đã triển khai thực hiện và hiệu quả:

- Thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường theo chương trình quy định.

- Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp 9 tìm hiểu hoàn cảnh, khả năng, sở thích, điều kiện kinh tế gia đình của học sinh để có biện pháp định hướng tốt nghề nghiệp cho các em.

- Phối hợp với các trường, cơ sở đào tạo trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp để tư vấn phân luồng cho học sinh.

- Thực hiện công tác tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh và học sinh có định hướng tốt về nghề nghiệp theo khả năng, thực học và điều kiện kinh tế của gia đình để lựa đúng nghề nghiệp

4.2. Kết quả đạt được năm học 2019-2020 (có số liệu và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS không vào THPT và bổ túc THPT; học sinh tốt nghiệp THPT không đi học đại học, cao đẳng).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS vào THPT | | Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS học TC nghề | | Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS không vào THPT, bổ túc THPT, TC nghề | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 2019-2020 | 39 | 78 | 6 | 12 | 5 | 10 |

4.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế: Số lượng học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS không vào THPT, bổ túc THPT, TC nghề còn nhiều.

- Nguyên nhân:

+ Một số học sinh thường xuyên vắng học và các buổi hướng nghiệp tại trường nên khó khăn trong việc định hướng nghề nghiệp cho các em.

+ Phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học của học sinh, một số học sinh phải nghỉ học do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

**5. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường**

5.1. Kết quả đạt được trong năm học 2020-2021 và so với năm học 2019-2020

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ: 2/2 giáo viên đạt chuẩn B2 Tiếng Anh.

Trường đã được cấp trên đầu tư trang thiết bị cho việc nghe nhìn của học sinh trong dạy học môn Tiếng Anh với việc bố trí 01 phòng nghe-nhìn, được cấp trên cấp 01 bảng tương tác và các thiết bị phục vụ cho việc nghe, nhìn trong môn Tiếng Anh.

Trong năm học 2020-2021, nhà trường có 03 học sinh tham gia Hội thi Tài năng Tiếng Anh và đạt 01 giải Ba toàn đoàn, 02 giải Khuyến khích.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế:

+ Không thực hiện kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ theo 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

+ So với năm 2019-2020, kết quả học tập ở bộ môn Tiếng Anh của học sinh khối 6 năm 2020-2021 còn thấp.

+ Chưa khai thác triệt để thiết bị dạy học như bảng tương tác, máy chiếu vật thể, bộ trắc nghiệm.

- Nguyên nhân:

+ Nhà trường chỉ đạo việc thực hiện giảng dạy Tiếng Anh chú trọng các kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Tuy nhiên, do chưa đủ kiều kiện để tổ chức kiểm tra giữa kì và cuối kì theo bốn kỹ năng nên chỉ thực hiện hai kĩ năng (đọc, viết).

+ Chất lượng đầu vào của học sinh khối 6 quá thấp.

+ Phòng Tiếng Anh sử dụng chung với phòng Tin học nên khó khăn cho việc tổ chức giảng dạy, giáo viên chưa nắm được cách sử dụng bộ trắc nghiệm.

**6. Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm; tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; kỹ năng khởi nghiệp.**

6.1. Kết quả đạt được trong năm học 2020-2021 và so với năm học 2019-2020

Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục, đạo đức, lối sống cho học sinh trong các tiết học đặc biệt là tiết GDCD, sinh hoạt lớp.

Nhà trường tổ chức các buổi hướng dẫn học sinh xếp nội vụ, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giáo dục giới tính, kỹ năng sống cho học sinh.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về truyền thống cách mạng của dân tộc, quê hương, luôn được liên đội đặt lên hàng đầu. Liên Đội trường tổ chức đợt viếng hương nghĩa trang liệt sĩ huyện Nam Trà My, thăm khu căn cứ Nước Là…

Phối hợp với Ban HĐNGLL tổ chức nhiều hội thi, cuộc thi như: Hội thi “Nét đẹp thầy trò”, hội thi cờ vua cấp trường, tái chế rác thải nhựa, làm bồn hoa bằng lốp xe, tuyên truyền hôn nhân cận huyết, tuyên truyền an toàn giao thông.

Thực hiện tốt các hoạt động tiêu biểu như: Mỗi tháng liên đội tổ chức 2 buổi lao động làm sạch cảnh quan sân trường; quét dọn sân trường, lớp học, nhà vệ sinh; trang trí các phòng học , “ chăm sóc cây xanh”, “đoạn đường em chăm”.

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế:

Vẫn còn học sinh không tham gia một số hoạt động của nhà trường

- Nguyên nhân:

Do một số học sinh không đi học chuyên cần, còn rụt rè trong các hoạt động đặc biệt là hoạt động trải nghiệm.

**7. Thực hiện Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ)**

7.1. Kết quả đạt được năm học 2020-2021 và so với năm học 2019-2020

- Trình độ giáo viên dạy học TDTT đạt chuẩn, đảm bảo theo đề án.

- Tham gia Hội thao cấp huyện, tỉnh đạt nhiều kết quả cao:

+ Giải nhất đẩy gậy nữ hạng cân 38kg – 41kg; Giải nhất đẩy gậy nữ hạng cân 35kg – 38kg; Giải nhất đơn nam võ cổ truyền; Giải nhì đơn nữ võ cổ truyền.

+ Huy chương đồng tập thể Võ cổ truyền Hội khỏe Phù đổng tỉnh Quảng Nam năm học 2020-2021.

- Câu lạc bộ TDTT nhà trường hoạt động mạnh với sự tham gia số đông học sinh gồm các môn: Bóng đá, bóng chuyền, Võ…

- Hoạt động thể dục giữa giờ học và thể dục buổi sáng của học sinh bán trú được duy trì đều đặn.

- Hoạt động TDTT trong đội ngũ cán bộ giáo viên được đẩy mạnh với các môn: bóng đá, cầu lông.

7.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Phổ cập bơi lội, phòng chống đuối nước chưa hiệu quả vì chưa có hồ bơi.

- Giáo viên giảng dạy GDTC không được bồi dưỡng thường xuyên kỹ năng bơi lội.

**8. Quản lý việc dạy thêm học thêm; chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; khắc phục tình trạng lạm thu.**

8.1. Kết quả đạt được năm học 2020-2021 và so với năm học 2019-2020.

- Không có giáo viên nào trong nhà trường tổ chức việc dạy thêm học thêm.

- Đầu năm, nhà trường ban hành quy chế chuyên môn có quy định về các loại hồ sơ sổ sách. Tháng 11/2020, nhà trường triển khai, chỉ đạo giáo viên thực hiện hồ sơ theo quy định của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học.

- Quán triệt thực hiện tốt các quy định, không có tình trạng lạm thu trong nhà trường.

8.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại:

+ Một số giáo viên còn bối rối trong việc thực hiện các loại hồ sơ.

- Nguyên nhân:

+ Do chồng chéo giữa hồ sơ theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học và hồ sơ kiểm định chất lượng.

**III. Công tác chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới**

**1. Việc chuẩn bị triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018**

1.1. Kết quả đạt được:

+ Cán bộ quản lí, giáo viên đang thực hiện tập huấn chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và đã tập huấn đến modun 3.

+ Tham gia các buổi dự thảo sách giáo khoa, thực hiện đúng quy trình chọn sách giáo khoa lớp 6 theo hướng dẫn của các cấp, đến nay đã có kết quả thống nhất về bộ sách giáo khoa lớp 6 và đã thông báo rộng rãi đến phụ huynh, học sinh.

1.2. Đề xuất, kiến nghị

+ Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo.

+ Tổ chức tập huấn sớm, đầy đủ cho toàn bộ giáo viên tránh trường hợp giáo viên còn bỡ ngỡ trong việc thực hiện giảng dạy chương trình sách giáo khoa mới.

+ Bổ sung giáo viên đúng chuyên ngành một số môn như Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); ngoại ngữ 2, GDCD, Công nghệ.

**2. Công tác đổi mới quản lí việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục**

2.1. Kết quả đạt được:

Từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy theo từng bộ môn đảm bảo nội dung chương trình.

2.2. Đề xuất, kiến nghị: Không

**3. Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo Công văn số 1201/BGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2020 của Bộ GDĐT:**

3.1. Kết quả đạt được:

- Đối với giáo viên:

Đã hoàn thành mô đun 3

- Đối với cán bộ quản lý:

Đã hoàn thành mô đun 3

3.2. Đề xuất, kiến nghị: Không

**4. Tổ chức góp ý nội dung dự thảo tài liệu giáo dục địa phương lớp 6 chuẩn bị Chương trình giáo dục phổ thông 2018**

4.1. Kết quả đạt được:

Đã thực hiện nghiên cứu và góp ý nội dung dự thảo tài liệu giáo dục địa phương lớp 6

4.2. Đề xuất, kiến nghị:Không

**5. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, vệ sinh, có tính tham gia và dân chủ:**

5.1. Kết quả đạt được:

- Đổi mới cơ chế quản lý chuyên môn, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học:

Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học thực hiện theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT. Số lần thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học (Tổ KHTN: 04 môn: Toán, Sinh học, Vật lí, Tin học; Tổ KHXH:04 môn: Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Ngữ Văn-GDCD). Tổng số chủ đề bài học được thực hiện thông qua hình thức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học (có chủ đề bài học, có biên bản sinh hoạt) trong năm học là 8 chủ đề.

- Tình hình tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường xây dựng và ban hành quy chế hoạt động chuyên môn đến các tổ chuyên môn, giáo viên. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các hoạt động chuyên môn của giáo viên, các loại hồ sơ theo quy định.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế:

Giáo viên hợp đồng ngắn hạn chưa tham gia tích cực trong việc thảo luận các chủ đề trong các buổi sinh hoạt nghiên cứu bài học.

Chưa thực hiện được sinh hoạt chuyên đề ở bộ môn Âm nhạc, Mĩ thuật.

- Nguyên nhân:

Giáo viên hợp đồng ngắn hạn còn rụt rè, chưa mạnh dạn trao đổi chuyên môn, có ít kinh nghiệm giảng dạy.

Chưa có giáo viên chuyên ngành Mĩ thuật, chỉ có 01 giáo viên hợp đồng môn Âm Nhạc.

**IV. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí**

1. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí.

1.1. Kết quả đạt được:

Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn nghiêm thúc thực hiện việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo quy định. Dự giờ, kiểm tra, góp ý cho giáo viên trong tổ ngày càng tiến bộ.

Từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên và đã triển khai thực hiện:

- Bồi dưỡng về tư tưởng, chính trị, chủ trương đường lối của Đảng về giáo dục.

- Bồi dưỡng chương trình-sách giáo khoa và dạy học tự chọn.

- Bồi dưỡng chuẩn kiến thức, kỹ năng.

- Bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và sử dụng một số phần mềm trong công tác dạy – học.

- Bồi dưỡng kỹ năng sư phạm, kỹ năng giáo dục và kỹ năng truyền thông.

- Bồi dưỡng việc lồng ghép giáo dục môi trường, an toàn giao thông, kỹ năng sống cho học sinh.

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Tồn tại, hạn chế:

Giáo viên kiêm nhiệm nhiều công tác như chuyên môn trường, văn thư, y tế, thư viện, thiết bị,...nên không thể hoàn toàn tập trung đầu tư cho việc giảng dạy, dự giờ học hỏi kinh nghiệm,...

2. Giải pháp tăng cường hiệu quả quản lí đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí:

2.1. Kết quả đạt được:

Lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đôn đốc giáo viên thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao. Dựa vào mức độ hoàn thành công việc để đánh giá, xếp loại cuối năm.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Một số giáo viên còn chậm trễ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

**V. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí**

5.1. Kết quả đạt được:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (soạn giáo án trên máy tính, giáo án điện tử, sử dụng phương tiện trình chiếu, khai thác thông tin trên mạng). Chỉ đạo tổ chuyên môn theo dõi việc đăng kí và thực hiện các tiết dạy có ứng dụng công nghệ thông tin.

- Nhà trường đã sử dụng hệ thống quản lí nhà trường trên hệ thống vnedu.vn.

- Trường đã tập huấn công nghệ thông tin cho giáo viên như tập huấn kĩ năng thiết kế bài giảng e Learning. Các thông tin nhà trường đều đưa lên cổng thông tin của nhà trường tại Wedsite: <http://c2tracang.pgdnamtramy.edu.vn/>. Việc giảng dạy các tiết dạy có sử dụng công nghệ thông tin được các tổ chuyên môn triển khai đồng bộ. Mỗi giáo viên trong học kì đăng kí và giảng dạy ít nhất 2 tiết có sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tham gia 02 sản phẩm thi Thiết kế giáo án E-learning và đưa lên website của trường.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Tồn tại, hạn chế:

Giáo viên gặp nhiều khó khăn trong việc nộp sản phẩm dự thi E-learning.

Một số tiết dạy ứng dụng CNTT chưa mang lại hiệu quả.

- Nguyên nhân:

Một số giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng máy vi tính, mạng Internet.

**VI. Kết quả tổ chức dạy và học phòng, chống dịch bệnh COVID-19**

1. Tình hình thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2020-2021

- Kết quả thực hiện:

Đã tổ chức dạy bù tuần nghỉ dịch covid sau Tết, điều chỉnh lịch kiểm tra cuối học kỳ 2 theo sự chỉ đạo của cấp trên. Nhà trường xây dựng kế hoạch hướng dẫn học sinh tự học tại nhà để hoàn thành nội dung chương trình năm học 2020-2021. Chia học sinh tập trung thành 2 đợt theo khối 6,7 và 8,9; tổ chức bế giảng tại lớp.

- Tồn tại, hạn chế:

Nhiều học sinh không hoàn thành nhiệm vụ tự học tại nhà.

**4. Tình hình thực hiện việc triển khai Kế hoạch xây dựng “Trường học hạnh phúc” của UBND huyện: .**

- Kết quả thực hiện:

Ngay từ đầu năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch Trường học hạnh phúc và triển khai đến toàn bộ giáo viên và học sinh.

Làm tốt việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, văn minh và tiến bộ; không có các tệ nạn xã hội, không có bạo lực học đường. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh có động lực phấn đấu, có trách nhiệm nghề nghiệp, học tập, có tinh thần xây dựng và đoàn kết, xây dựng cảnh quan trường học thân thiện, xanh - sạch - đẹp.

- Tồn tại, hạn chế:

Một số giáo viên chưa đánh giá học sinh theo hướng tăng cường động viên khuyến khích vì sự tiến bộ của học sinh.

- Nguyên nhân:

Do một số giáo viên mới chưa hiểu rõ được những tiêu chí đánh giá học sinh theo kế hoạch Trường học hạnh phúc.

**VII. Đánh giá chung**

1. Kết quả đạt được:

- Cơ sở vật chất của nhà trường cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động chuyên môn, giáo dục.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đoàn kết, tâm huyết, nhất trí và đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ và các mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tổ chức thành công các chuyên đề dạy học, các hội thi, hội giảng cho giáo viên và học sinh toàn trường tham gia.Tổ chức và tham gia đảm bảo sinh hoạt nhóm chuyên môn.

- Học sinh tham gia các hội thi cấp huyện, cấp tỉnh đạt được kết quả cao (Giải Ba cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học cấp tỉnh, giải Ba tại Hội khỏe phù Đồng tỉnh Quảng Nam, 01 giải Ba đồng đội, 02 giải Khuyến khích OTE cấp huyện, 01 giải Khuyến khích học sinh giỏi cấp huyện, 01 giải khuyến khích học sinh giỏi cấp tỉnh, 02 giải Khuyến khích Thí nghiệm thực hành cấp huyện) Đó là nhờ vào sự nổ lực của toàn bộ giáo viên và học sinh.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập khá nghiêm túc, khách quan.

- Chất lượng 2 mặt giáo dụcvượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra học sinh giỏi được 5,83,1%; tỉ lệ học sinhkhá:32,21%, tỉ lệ học sinh yếu: 3,07%. Hạnh kiểm học, tốt: 95,71%, Khá: 4,29%, không có hạnh kiểm trung bình và yếu.

1. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân:

- Hạn chế tồn tại:

+ Vẫn còn tình trạng học sinh đi học không chuyên cần ở một số lớp.

+ Việc kết thúc chương trình thông qua hình thức hướng dẫn học sinh tự học ở nhà không mang lại hiệu quả cao.

+ Chất lượng học sinh khối 6 ở một số môn khá thấp.

+ Năng lực và hiệu quả giảng dạy của một số giáo viên còn hạn chế nhất là những giáo viên hợp đồng theo chỉ tiêu biên chế của huyện. Một số môn buộc phải phân công giáo viên dạy trái chuyên ngành nên chất lượng giảng dạy ở những môn này chưa cao.

- Nguyên nhân tồn tại

+ Một số học sinh chưa có ý thức tự học tập, vắng học để làm rẫy giúp đỡ gia đình, phụ huynh chưa quan tâm đến việc học của học sinh.

+ Tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp nên không thể tổ chức giảng dạy tại trường. Học sinh còn chủ quan với việc tự học ở nhà.

+ Một số giáo viên hạn chế về kinh nghiệm giảng dạy, thiếu sự nhiệt tình và học hỏi nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy.

+ Chất lượng đầu vào học sinh khối 6 quá thấp.

+ Việc giáo viên cốt cán luân chuyển công tác, trong khi đó việc tìm kiếm những giáo viên có chất lượng để hợp đồng theo chỉ tiêu biên chế của huyện lại gặp rất nhiều khó khăn nhất là hiện nay chưa có cơ chế để thu hút các giáo viên có năng lực, tâm huyếtlên công tác tại vùng khó khăn, giáo viên hợp đồng hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu nhưng chưa tìm được giải pháp thay thế nên phần nào phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục chung của nhà trường.

+ Việc chỉ đạo các tổ chuyên môn trong công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên chưa thật sự mạnh mẽ nhất là công tác kiểm tra đột xuất về giảng dạy.

- Các giải pháp khắc phục

+ Làm tốt công tác duy trì sĩ số học sinh, phối hợp với chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp.

+ Tiếp tục đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Tiếp tục củng cố, phát huy hiệu quả tổ nghiệp vụ bộ môn gồm các giáo viên cốt cán trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên môn, nghiệp vụ. Chủ động triển khai tham gia tích cực việc bồi dưỡng cán bộ giáo viên trên hệ thống LMS về chương trình GDPT 2018. Nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả của hội thi giáo viên dạy giỏi, bình bầu giáo viên chủ nhiệm giỏi theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Kiểm tra, xử lý những giáo viên thiếu trách nhiệm trong công việc.

+ Cần phải giám sát chặt chẽ hơn nữa khi làm công tác kiểm tra cuối học kỳ học sinh lớp 5.

+ Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, xây dựng bài học theo hướng nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kĩ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học sát đối tượng, dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc, hướng dẫ học sinh tự học sáng tạo.

+ Thường xuyên kiểm tra, dự giờ đột xuất giáo viên.

**Phần II**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**NĂM HỌC 2021 - 2022**

**I. Phương hướng**

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung uơng Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Tăng cường kỷ cương, nề nếp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đẩy mạnh đổi mới hoạt động dạy học theo định hướng giáo dục STEM nhằm thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Xây dựng “Trường học hạnh phúc”, kiến tạo môi trường giáo dục, an toàn, nhân ái và tôn trọng theo hướng củng cố nề nếp, kỉ cương; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng của học sinh.

- Nâng cao năng lực đội ngũ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2020-2021, chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018[[1]](#footnote-2) (CT GDPT 2018). Trong đó, chú trọng việc lựa chọn, điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng tinh giản chương trình; tiếp cận phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học của CT GDPT 2018.

- Tiếp tục đổi mới, vận dụng các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học tích cực; các hình thức đánh giá học sinh; đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

- Nhà trường tích cực chủ động công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực giảng dạy cho giáo viên; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt” .

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện là một trong những đơn vị dẫn đầu của huyện.

**II. Nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục trung học năm học 2021-2022.**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành gắn với việc đổi mới giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường.

- Tập trung khắc phục những điểm yếu, hạn chế để duy trì và phấn đấu đạt được các tiêu chí của kiểm định chất lượng Cấp độ 3 và trường chuẩn Mức độ 2.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, chú trọng cập nhật các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức dạy học tích hợp, dạy học liên môn, các hoạt động trải nghiệm, các tiết ngoại khóa, tổ chức dạy học các môn khoa học với hoạt động thực hành, thí nghiệm.

- Tăng cường các giải pháp để tiếp tục giảm tỷ lệ học sinh yếu kém và học sinh bỏ học, tăng tỷ lệ học sinh khá, giỏi; duy trì thành tích tham gia các cuộc thi cấp Huyện, cấp tỉnh đạt kết quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá để nắm bắt những tồn tại, hạn chế để kịp thời điều chỉnh.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng tăng cường thực hiện kế hoạch giáo dục; nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý của đơn vị.

- Thực hiện thi cử nghiêm túc, đánh giá chất lượng thực tế học sinh. Tăng cường chất lượng công tác tuyển sinh nhất là tuyển sinh đầu vào lớp 6.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, tham gia tập huấn Bồi dưỡng giáo viên theo các mô đun của CT GDPT 2018. Sử dụng hệ thống quản lí trường học vnedu.vn trong công tác quản lí trong nhà trường.

- Tham gia tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên tham gia

**Phần III**

**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đối với Phòng GD&ĐT Nam Trà My:

+ Cần chú trọng việc lấy chất lượng học sinh làm tiêu chí hàng đầu trong công tác xét thi đua các trường nhất là kết quả tham gia các cuộc thi do huyện, tỉnh tổ chức để đánh giá.

+ Bố trí cán bộ, giáo viên theo bộ môn hợp lí để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ.

* Đối với UBND huyện Nam Trà My:

+ Cần thực hiện đầy đủ chính sách như: đứng lớp, nghị định 76 đối với giáo viên hợp đồng để các trường thuận lợi trong việc tuyển dụng giáo viên có năng lực lên hợp đồng và ở lại lâu dài công tác.

+ Quan tâm đến việc bổ sung đủ số lượng nhân viên theo Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT để các trường thực hiện công tác.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường PTDTBT-THCS Trà Cang năm học 2020-2021.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GDĐT (để báo cáo);  - UBND xã Trà Cang (để báo cáo);  - Lưu: VT, CM. | **HIỆU TRƯỞNG** |
|  |  |

1. Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. [↑](#footnote-ref-2)